

Thư Thứ Nhất của Phao-lô gửi Người Tê-sa-lô-ni-ca (1 Tê-sa-lô-ni-ca)

Mục-đích: Để tăng cường sức mạnh đức-tin cho các Cơ-rít-nhân tại Tê-sa-lô-ni-ca và cho họ sự bảo-đảm về sự tái lâm của Cơ-rít-tô Giê-xu

Người viết: Phao-lô

Gửi cho: Hội-thánh tại Tê-sa-lô-ni-ca và tất cả Cơ-rít-nhân mọi nơi

Ngày viết: Vào năm 51 SC (Sau Cơ-rít-tô Giáng-sinh) từ Cô-rinh-tô, một trong các bức thư sớm nhất của Phao-lô

Bối-cảnh: Hội-thánh tại Tê-sa-lô-ni-ca còn rất trẻ, chỉ mới được tổ-chức 2 hay 3 năm trước khi bức thư này được viết. Các Cơ-rít-nhân tại Tê-sa-lô-ni-ca cần trưởng-thành trong đức-tin. Thêm vào đó họ hiểu lầm về sự tái lâm của Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô—có người nghĩ là Cơ-rít-tô sẽ trở lại tức thì và nghĩ sai về thời-điểm người thân đã ngủ của mình được sống lại. Đồng thời, các Cơ-rít-nhân đang bị bắt-bớ cần được an-ủi.

Câu gốc: “Vì nếu chúng ta tin rằng Giê-xu đã chết và đã sống lại, y như thế Đức Chúa TRỜI sẽ đem những kẻ đã ngủ trong Giê-xu đến với Ngài.” (4.14)

Nhân-vật chính: Phao-lô, Ti-mô-thê, Si-la

Chỗ chính: Tê-sa-lô-ni-ca

Đặc-điểm: Phao-lô được Ti-mô-thê phức-trình tốt đẹp về người ở Tê-sa-lô-ni-ca. Tuy vậy, người viết thư này để điều chỉnh sự hiểu lầm về sự sống lại và sự tái lâm của Cơ-rít-tô.

Ý chính: Qua lễ an-táng, lời của mục-tử vẫn còn văng-vẳng trong tai họ khi rời khỏi nghĩa-địa để về nhà. Sự chết, kẻ thù, đã làm tan-vỡ mối liên-hệ gia-đình, tình bạn trên mặt đất, chỉ để lại các kỷ-niệm, nước mắt, và sự đơn-độc. Nhưng, như sau đêm tăm-tối ánh-sáng bình-minh loé lên, một lễ-thật đánh tan sự buồn-rầu: chết không phải là hết! Cơ-rít-tô là Đấng Chiến-thắng sự chết, và đem hy-vọng cho sự sống lại qua Ngài.

Như mọi phần-tử trong gia-đình nhân-loại, các Cơ-rít-nhân đầu tiên đối diện cái chết của

người thân do tuổi già hay do đau bệnh tai-nạn hoặc do kẻ ghét Cơ-rít-tô như: dân Giu-đa sôt-sắng (như Phao-lô trước khi tin Chúa), dân Hy-lạp giận-dữ, các chánh-quyền Rô-ma tàn-bạo; sự bắt bớ gồm có: ném đá, đánh đập, đóng đinh trên thập-tự-giá, tra tấn, giết chết.

Phao-lô thành-lập hội-thánh này tại Tê-sa-lô-ni-ca trong cuộc hành-trình truyền-giáo lần thứ hai của ông (vào khoảng 51 SC). Một thời-gian ngắn sau đó, ông viết bức thư này để khuyến-khích các tân tín-nhân ở đó. Ông muốn bảo-đảm họ về tình thương và để ca-ngợi họ về sự trung-tín của họ trong lúc bị bắt-bớ, và để nhắc-nhở họ về hy-vọng của họ—sự tái lâm chắc-chắn của Chúa và Đấng Cứu-rỗi của họ.

Phao-lô cảm ơn Đức Chúa TRỜI vì các Cơ-rít-nhân tại Tê-sa-lô-ni-ca có đức-tin mạnh và có tiếng tốt (1.1-1.10). Và ông ôn lại mối liên-hệ với họ—ông và đồng bạn ông đã đem tin-lành đến cho họ như thế nào (2.1-2.12), họ chấp-nhận thông-điệp như thế nào (2.13-2.16), và tâm của ông muốn đến với họ một lần nữa như thế nào (2.17-2.20). Bởi vì sự quan-tâm của mình, ông sai Ti-mô-thê đến khuyến-khích đức-tin của họ (3.1-3.13).

Đoạn Phao-lô cho biết ý chính của thư này: khuyến-khích và an-ủi. Ông thách-thức họ làm vui lòng Đức Chúa TRỜI trong đời sống hằng ngày bằng cách tránh tất cả mọi tội tình-dục (4.1-4.8), nhưng phải thương-yêu lẫn nhau (4.9-4.10) và sống làm một công-dân tốt trong xã-hội đầy tội-lỗi (4.11-4.12). Phao-lô an-ủi họ bằng cách nhắc-nhở họ về hy-vọng của sự sống lại (4.13-4.18).

Đoạn ông khuyến-cáo họ phải sẵn-sàng vì Giê-xu Cơ-rít-tô sẽ trở lại bất cứ lúc nào. Khi Cơ-rít-tô trở lại, các Cơ-rít-nhân ngủ hay sống đều có sự sống mới (5.1-5.11). Phao-lô nhắc lại cách chuẩn-bị đón sự trở lại đó: đừng làm biếng (5.14), an-ủi người khiếp-sợ (5.14), chăm-sóc kẻ yếu (5.14), kiên-nhẫn với người khác (5.14), làm điều tốt cho mọi người (5.15), luôn luôn vui-vẻ (5.16), cầu-nguyện không thôi (5.17), luôn cảm-tạ (5.18), thứ mọi điều được dạy (5.20-5.21), và tránh điều xấu-xa (5.22).

Phao-lô kết-luận bức thư bằng lời chúc phước và yêu-cầu cầu-nguyện.

1 Tê-sa-lô-ni-ca 1.1-2.1

1. Sự trung-tín đối với Chúa (1.1-3.13)

Lời chào-thăm mở đầu (1.1)

1 **Phao-lô và Sin-vanh và Ti-mô-thê,**
Gửi hội-thánh của các người Tê-sa-lô-ni-ca
trong *Đức* Chúa TRỜI là Cha và Chúa Giê-xu
Cơ-rít-tô:

Xin ân-điển cho anh em và sự bình-an.

Phao-lô khen-ngợi đức-tin của các tín-nhân Tê-sa-lô-ni-ca (1.2-1.10)

2 Chúng tôi luôn luôn tạ ơn *Đức* Chúa TRỜI vì tất cả anh em, đề-cập về anh em trong các lời cầu-nguyện của chúng tôi; 3 liên-tục mang trong trí việc làm của đức-tin của anh em và lao nhọc của tình thương và sự bền-đổ của hy-vọng ở Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô của chúng ta trong sự hiện-diện của *Đức* Chúa TRỜI và Cha của chúng ta, 4 biết, anh em được *Đức* Chúa TRỜI yêu-mến, việc Ngài lựa-chọn anh em; 5 vì tin-lành của chúng tôi đã chẳng đến cùng anh em chỉ bằng lời, nhưng cũng bằng quyền-năng và bằng *Đức* Thánh-Linh và với sự tin chắc hoàn-toàn; y như anh em biết chúng tôi đã trở thành hạng người gì để ở giữa anh em vì có anh em. 6 Anh em cũng đã trở thành những kẻ bắt chước chúng tôi và Chúa, đã nhận lời Chúa trong nhiều khổ-nạn với niềm vui của *Đức* Thánh-Linh, 7 đến nỗi anh em đã trở nên gương-mẫu cho tất cả các tín-nhân ở Ma-xê-đoan và A-chai. 8 Vì lời của Chúa đã vang ra từ anh em, không những tại Ma-xê-đoan và A-chai, nhưng cũng ở mọi nơi, đức-tin của anh em hướng về *Đức* Chúa TRỜI đã tấn tới, để chúng tôi không cần nói điều gì cả. 9 Vì chính người ta báo cáo về chúng tôi loại tiếp-đãi gì chúng tôi đã có với anh em, và anh em đã từ hình-tượng quay về *Đức* Chúa TRỜI như thế nào để phụng-sự một *Đức* Chúa TRỜI sống và thật, 10 và để chờ đợi Con Trai của Ngài từ các tầng trời, là Đấng mà Ngài đã vực sống lại từ kẻ chết, đó là Giê-xu, Đấng cứu chúng ta khỏi cơn thịnh-nộ sắp đến.

Phao-lô ôn lại mối liên-hệ của ông với những người Tê-sa-lô-ni-ca (2.1-2.12)

2 **1** Vì chính anh em biết, hỡi anh em, rằng việc chúng tôi đến cùng anh em đã chẳng là vô-ích,

1 Thessalonians 1.1-2.1

1. Faithfulness to the Lord (1.1-3.13)

Opening greeting (1.1)

1 **Paul and Silvanus and Timothy,**
To the church of the Thessalonians in God the
Father and the Lord Jesus Christ:

Grace to you and peace.

Paul commends the faith of the Thessalonians (1.2-1.10)

2 We give thanks to God always for all of you, making mention of you in our prayers; 3 constantly bearing in mind your work of faith and labor of love and steadfastness of hope in our Lord Jesus Christ in the presence of our God and Father, 4 knowing, brethren beloved by God, His choice of you; 5 for our gospel did not come to you in word only, but also in power and in the Holy Spirit and with full conviction; just as you know what kind of men we became to be among you for your sake. 6 You also became imitators of us and of the Lord, having received the word in much tribulation with the joy of the Holy Spirit, 7 so that you became an example to all the believers in Macedonia and in Achaia. 8 For the word of the Lord has sounded forth from you, not only in Macedonia and Achaia, but also in every place your faith toward God has gone forth, so that we have no need to say anything. 9 For they themselves report about us what kind of a reception we had with you, and how you turned to God from idols to serve a living and true God, 10 and to wait for His Son from the heavens, whom He raised from the dead, that is Jesus, who delivers us from the wrath to come.

Paul reviews his relationship with the Thessalonians (2.1-2.12)

2 **1** For you yourselves know, brethren, that our coming to you was not in vain,

1 Thessalonians 2.2-2.12

2but after we had already suffered and been mistreated at Philippi, as you know, we had the boldness in our God to speak to you the gospel of God amid much opposition. 3For our exhortation does not *come* from error or impurity or in deceit; 4but just as we have been approved by God to be entrusted with the gospel, so we speak, not as pleasing men, but God, who examines our hearts. 5For we never came in a word of flattery, as you know, nor with a pretext for greed—God is witness—6nor did we seek glory from men, either from you or from others, even though as apostles of Christ we might have asserted our authority. 7But we became gentle in the midst of you, as a nursing *mother* tenderly caring for her own children. 8Having thus a fond affection for you, we were well-pleased to impart to you not only the gospel of God but also our own lives, because you had become very dear to us. 9For you recall, brethren, our labor and hardship, *how* working night and day so as not to be a burden to any of you, we proclaimed to you the gospel of God. 10You are witnesses, and *so is* God, how devoutly and uprightly and blamelessly we became toward you believers; 11just as you know how we *were* exhorting and encouraging and imploring each one of you as a father *would* his own children, 12so that you may walk in a manner worthy of God who calls you into His own kingdom and glory.

Thessalonians' s faithfulness in trials is Paul's crown (2.13-2.20)

1 Tê-sa-lô-ni-ca 2.2-2.12

2nhưng sau khi chúng tôi đã chịu khổ rồi và bị ngược-đãi tại Phi-líp, như anh em biết, chúng tôi đã có sự bạo-dạn trong Đức Chúa TRỜI của chúng ta để nói cùng anh em tin-lành của Đức Chúa TRỜI giữa nhiều chống đối. 3Vì lời khích-lệ của chúng tôi không đến từ sai lầm hay bất khiết hoặc bằng lừa-dối; 4nhưng y như chúng tôi đã được chấp-thuận bởi Đức Chúa TRỜI để được ủy-nhiệm với tin-lành, thế là chúng tôi cứ nói, không cốt để làm vui lòng loài người, nhưng Đức Chúa TRỜI, là Đấng dò-xét tâm của chúng tôi. 5Vì chúng tôi đã chẳng bao giờ đến bằng lời nịnh-hót, như anh em biết, cũng không với ý-định tham-lam—Đức Chúa TRỜI là Đấng làm chúng—6chúng tôi cũng đã chẳng tìm vinh-quang từ loài người, hoặc từ anh em hay từ những kẻ khác, dù là các sứ-đồ của Cơ-rít-tô, chúng tôi có thể áp-đặt quyền-lực của chúng tôi. 7Nhưng chúng tôi đã trở nên mềm mại giữa anh em, như *người mẹ* cho con bú, dịu-dàng săn-sóc chính con mình. 8Có mỗi tình-cảm triu-mến cho anh em như thế, chúng tôi đã rất hài lòng truyền-giao cho anh em chẳng những tin-lành của Đức Chúa TRỜI mà cũng còn chính sự sống của chúng tôi nữa, vì anh em đã trở nên rất yêu-mến đối với chúng tôi. 9Vì anh em nhớ lại, hồi anh em, công việc nặng nhọc và sự thử-thách gay-go của chúng tôi, làm việc đêm và ngày để không là gánh nặng cho bất cứ ai trong anh em, chúng tôi đã công-bố cho anh em tin-lành của Đức Chúa TRỜI. 10Anh em là các chứng-nhân, và Đức Chúa TRỜI cũng thế, chúng tôi đã trở nên đối với anh em các tín-nhân một cách nhiệt-thành, ngay thẳng, và không trách được như thế nào; 11y như anh em biết thế nào chúng tôi khuyên-bảo và khích-lệ và van-nài mỗi người trong anh em như người cha với chính con cái của mình, 12ngỡ hầu anh em có thể bước đi theo cách xứng-đáng của Đức Chúa TRỜI, là Đấng gọi anh em vào trong chính vương-quốc và vinh-quang của Ngài.

Sự trung-tín của các người Tê-sa-lô-ni-ca trong thử-thách là mũ-miện của Phao-lô (2.13-2.20)

1 Tê-sa-lô-ni-ca 2.13-3.2

13Và vì lý-do này chúng tôi cũng liên-tục tạ ơn *Đức* Chúa TRỜI rằng khi anh em nhận từ chúng tôi lời của sứ-điệp của *Đức* Chúa TRỜI, anh em đã nhận nó không *như* lời của loài người, nhưng—sự thật là—lời của *Đức* Chúa TRỜI, là thứ cũng làm việc của nó trong anh em, là những kẻ tin. **14**Vì anh em, hỡi anh em, đã trở nên những kẻ bắt chước của các hội-thánh của *Đức* Chúa TRỜI trong Cơ-rít-tô Giê-xu ở tại Giu-đê, vì anh em cũng đã chịu đựng cùng những thứ đau-khổ ở tay của chính người đồng-hương của anh em, cũng như họ⁽¹⁾ từ dân Giu-đá, **15**những kẻ đã giết cả Chúa Giê-xu lẫn các đấng tiên-tri, và đã đuổi chúng tôi. Chúng chẳng làm vui lòng *Đức* Chúa TRỜI, nhưng thù-nghịch cùng mọi người, **16**cản-trở chúng tôi nói cùng các dân Ngoại-bang để họ có thể được cứu-rỗi; với kết-quả là chúng luôn-luôn làm đầy cái lượng tội-lỗi của chúng. Nhưng con thịnh-nộ của *Đức* Chúa TRỜI đã đến trên chúng tới mức tối đa.

17Nhưng chúng tôi, hỡi anh em, đã bị mất anh em trong một cơ hội một giờ⁽²⁾—*cách* mặt, không *cách* lòng—đã quá hăm-hở với lòng ao-ước quá lớn để thấy mặt anh em. **18**Vì chúng tôi đã muốn đến cùng anh em—tôi, Phao-lô, cả 1 lần lẫn 2 lần—và Sa-tan đã ngăn-cản chúng tôi. **19**Vì ai là hy-vọng hay niềm vui hay mũ-miền của niềm hân hoan của chúng tôi? Há chẳng phải chính là anh em, trong sự hiện-diện của Chúa Giê-xu của chúng ta ở lúc Ngài đến hay sao? **20**Vì anh em là vinh-quang và niềm vui của chúng tôi.

Phao-lô được khích-lệ bởi phúc-trình tốt của Ti-mô-thê về người Tê-sa-lô-ni-ca (3.1-3.13)

3 1Bởi vậy khi chúng tôi không có thể chịu được nữa, chúng tôi nghĩ: tốt nhất là ở lại đằng sau tại A-thên một mình; **2**và chúng tôi đã sai Ti-mô-thê, người em của chúng tôi và người đồng công của *Đức* Chúa TRỜI trong tin-lành của Cơ-rít-tô, để củng-cố và khích-lệ anh em về phần đức-tin của anh em,

1 Thessalonians 2.13-3.2

13And for this reason we also constantly thank God that when you received from us the word of God's message, you accepted *it* not *as* the word of men, but—*for* what it really is—the word of God, which also performs its work in you who believe. **14**For you, brethren, became imitators of the churches of God in Christ Jesus that are in Judea, for you also endured the same sufferings at the hands of your own countrymen, even as they *did* from the Jews, **15**who both killed the Lord Jesus and the prophets, and drove us out. They are not pleasing to God, but hostile to all men, **16**hindering us from speaking to the Gentiles that they may be saved; with the result that they always fill up the measure of their sins. But wrath has come upon them to the utmost.

17But we, brethren, having been bereft of you for an occasion of an hour—in face, not in heart—were all the more eager with great desire to see your face. **18**For we wanted to come to you—I, Paul, both once and twice—and *yet* Satan thwarted us. **19**For who is our hope or joy or crown of exultation? Is it not even you, in the presence of our Lord Jesus at His coming? **20**For you are our glory and joy.

Paul is encouraged by Timothy's good report about the Thessalonians (3.1-3.13)

3 1Therefore when we could endure *it* no longer, we thought it best to be left behind at Athens alone, **2**and we sent Timothy, our brother and God's fellow worker in the gospel of Christ, to strengthen and encourage you as to your faith,

¹Cơ-rít-nhân gốc Giu-đá, Jewish Christian

²hay: chi một thoáng

1 Thessalonians 3.3-3.13

³so that no one would be disturbed by these afflictions; for you yourselves know that we have been destined for this. ⁴For indeed when we were with you, we *kept* telling you in advance that we were going to suffer affliction; just as it came to pass, as you know. ⁵For this reason, when I could endure *it* no longer, I also sent to find out about your faith, for fear that the tempter might have tempted you, and our labor would be in vain. ⁶But now that Timothy has come to us from you, and has brought us good news of your faith and love, and that you always think kindly of us, longing to see us just as we also long to see you, ⁷for this reason, brethren, in all our distress and affliction we were comforted about you through your faith; ⁸for now we *really* live, if you stand firm in the Lord. ⁹For what thanks can we render to God for you in return for all the joy with which we rejoice before our God on your account, ¹⁰as we night and day keep praying most earnestly that we may see your face, and may complete what is lacking in your faith?

11Now may our God and Father Himself and Jesus our Lord direct our way to you; ¹²and may the Lord cause you to increase and abound in love for one another, and for all men, just as we also *do* for you; ¹³so that He may establish your hearts unblamable in holiness before our God and Father at the coming of our Lord Jesus with all His saints.

2. Watchfulness for the Lord (4.1-5.28)

Live to please God (4.1-4.12)

1 Tê-sa-lô-ni-ca 3.3-3.13

³ngõ hầu không ai có thể bị rúng-động bởi các khổ nạn này; vì chính anh em *cũng* biết rằng chúng ta đã được định phần cho điều này. ⁴Vì quả thật khi chúng tôi đã ở với anh em, chúng tôi đã *cứ* nói cho anh em biết trước rằng chúng tôi sắp chịu khổ nạn; y như nó đã xảy ra, như anh em biết. ⁵Vì lý-do này, khi tôi đã không thể chịu-đựng nó được lâu hơn nữa, tôi cũng đã sai đi để tìm biết về đức-tin của anh em, vì sợ rằng kẻ cám-dỗ đã có thể cám-dỗ anh em, và việc làm khó-nhọc của chúng tôi đã là vô-ích. ⁶Nhưng bây giờ Ti-mô-thê đã đến cùng chúng tôi từ anh em, và đã đem đến cho chúng tôi tin tốt về đức-tin và tình thương của anh em, và rằng anh em luôn luôn nghĩ tốt về chúng tôi, khao-khát muốn gặp chúng tôi y như chúng tôi cũng khao-khát muốn gặp anh em, ⁷vì lý-do này, hỡi anh em, trong mọi cảnh khôn-cùng và khổ nạn của chúng tôi, chúng tôi đã được an-ủi về anh em qua đức-tin của anh em; ⁸vì hiện nay chúng tôi *thực-sự* sống, nếu anh em đứng vững trong Chúa. ⁹Vì những lời tạ ơn gì chúng tôi có thể hoàn-trả *Đức* Chúa TRỜI vì anh em để đáp lại mọi niềm vui mà chúng tôi vui-mừng trước mặt *Đức* Chúa TRỜI của chúng ta vì lợi-ích của anh em, ¹⁰như chúng tôi đêm và ngày cứ cầu-nguyện tha-thiết nhất rằng chúng tôi có thể thấy mặt anh em, và có thể bỏ-khuyết điều đang thiếu trong đức-tin của anh em?

11Bây giờ xin chính *Đức* Chúa TRỜI và Cha của chúng ta và Giê-xu Chúa của chúng ta hướng dẫn con đường của chúng tôi tới anh em; ¹²và xin Chúa khiến anh em tăng-gia và dư-dật trong tình thương cho nhau, và cho mọi người, y như chúng tôi cũng cho anh em; ¹³để Ngài có thể thiết-lập tâm anh em không khiến trách được trong sự thánh trước mặt *Đức* Chúa TRỜI và Cha của chúng ta khi Chúa Giê-xu của chúng ta đến với tất cả các thánh-đồ của Ngài.

2. Sự canh-chờ Chúa (4.1-5.28)

Sống để làm vui lòng Đức Chúa TRỜI (4.1-4.12)

1 Tê-sa-lô-ni-ca 4.1-4.13

4 ¹Rồi cuối-cùng, hỡi anh em, chúng tôi yêu-cầu và năn-ni anh em trong Chúa Giê-xu, rằng, như anh em đã nhận từ chúng tôi *lời chỉ dạy* để anh em phải bước đi và làm vui lòng *Đức* Chúa TRỜI thế nào (y như anh em thật sự bước đi), rằng anh em còn xuất-sắc hơn nữa. ²Vì anh em biết các điều-răn nào chúng tôi đã cho anh em qua Chúa Giê-xu. ³Vì đây là ý-muốn của *Đức* Chúa TRỜI: sự nên-thánh của anh em; rằng anh em tránh hành vi đồi bại xấu xa về tình-dục; ⁴rằng mỗi anh em biết làm thế nào để sở-hữu chính thân⁽¹⁾ của anh em trong sự nên-thánh và danh-dự, ⁵không trong say mê của thú-tính⁽²⁾, như các dân Ngoại-bang không biết *Đức* Chúa TRỜI; ⁶và rằng không người nào xúc-phạm hay lừa-đảo anh em của mình trong vấn-đề này vì Chúa là *Đấng* báo-oán trong tất cả các sự việc này, y như chúng tôi cũng đã bảo anh em và đã long-trọng cảnh-cáo *anh em*. ⁷Vì *Đức* Chúa TRỜI đã chẳng gọi chúng ta vì mục-đích bất khiết, nhưng trong sự nên-thánh. ⁸Vì thế, kẻ bác-bỏ *điều này* không bác-bỏ loài người nhưng chính *Đức* Chúa TRỜI, là *Đấng* ban *Đức* Thánh-Linh của Ngài cho anh em.

⁹Bây giờ về tình thương của anh em *trong Chúa*, anh em không cần *ai* viết cho anh em, vì chính anh em được *Đức* Chúa TRỜI dạy thương-yêu lẫn nhau; ¹⁰vì quả thực anh em thực hành nó đối với tất cả anh em ở trong khắp Ma-xê-đoan. Nhưng chúng tôi thúc-giục anh em, hỡi anh em, nên xuất-sắc nhiều hơn nữa, ¹¹và làm nó thành tham-vọng của anh em để sống cuộc đời êm đềm và chú trọng đến chính công việc của anh em và làm việc với bàn tay của anh em, y như chúng tôi đã bảo anh em, ¹²để anh em có thể bước đi một cách thích-hợp tới các người ở ngoài và không thiếu-thốn gì.

Sự sống lại và việc Chúa đến (4.13-4.18)

13 Nhưng chúng tôi không muốn anh em không biết, hỡi anh em, về những người ngủ, để anh em sẽ chẳng đau buồn, như phần còn lại những người không có một hy-vọng nào cả.

1 Thessalonians 4.1-4.13

4 ¹Finally then, brethren, we request and exhort you in the Lord Jesus, that, as you received from us *instruction* as to how you ought to walk and please God (just as you actually do walk), that you excel still more. ²For you know what commandments we gave you through the Lord Jesus. ³For this is the will of God, your sanctification; *that is*, that you abstain from sexual immorality; ⁴that each of you know how to possess his own vessel in sanctification and honor, ⁵not in passion of lust, like the Gentiles who do not know God; ⁶and that no man transgress or defraud his brother in the matter because the Lord is *the* avenger in all these things, just as we also told you before and solemnly warned *you*. ⁷For God has not called us for the purpose of impurity, but in sanctification. ⁸Consequently, he who rejects *this* is not rejecting man but the God who gives His Holy Spirit to you.

⁹Now as to the love of the brethren, you have no need for *anyone* to write to you, for you yourselves are taught by God to love one another; ¹⁰for indeed you do practice it toward all the brethren who are in all Macedonia. But we urge you, brethren, to excel still more, ¹¹and to make it your ambition to lead a quiet life and attend to your own business and work with your hands, just as we commanded you, ¹²so that you may walk properly toward outsiders and have need of nothing.

The resurrection and the Lord's coming (4.13-4.18)

13 But we do not want you to be uninformed, brethren, about those who are asleep, that you will not grieve, as do the rest who have no hope.

¹hay: cái bình-lọ riêng của anh em

²hay: thú vui xác-thịt

1 Thessalonians 4.14-5.11

¹⁴For if we believe that Jesus died and rose again, even so God will bring with Him those who have fallen asleep in Jesus. ¹⁵For this we say to you by the word of the Lord, that we who are alive, who remain until the coming of the Lord, will not precede those who have fallen asleep. ¹⁶For the Lord Himself will descend from heaven with a shout, with the voice of *the* archangel, and with the trumpet of God; and the dead in Christ will rise first. ¹⁷Then we who are alive, who remain, will be caught up together with them in the clouds to meet the Lord in the air, and thus we shall always be with the Lord. ¹⁸Therefore comfort one another with these words.

The day of the Lord; keep awake (5.1-5.11)

5 ¹Now as to the times and the epochs, brethren, you have no need of anything to be written to you. ²For you yourselves know very well that the day of the Lord is coming just like a thief in the night. ³While they are saying, "Peace and safety!" then destruction will come upon them suddenly like birth pangs upon a woman with child; and they shall not escape. ⁴But you, brethren, are not in darkness, that the day should overtake you like a thief; ⁵for you are all sons of light and sons of day. We are not of night nor of darkness; ⁶so then let us not sleep as the remaining ones do, but let us be alert and sober. ⁷For those who sleep do their sleeping at night, and those who get drunk get drunk at night. ⁸But since we are of *the* day, let us be sober, having put on the breastplate of faith and love, and as a helmet, the hope of salvation. ⁹For God has not destined us for wrath, but for obtaining salvation through our Lord Jesus Christ, ¹⁰who died for us, that whether we are awake or asleep, we will live together with Him. ¹¹Therefore encourage one another, and build up one another, just as you also are doing.

1 Tê-sa-lô-ni-ca 4.14-5.11

¹⁴Vì nếu chúng ta tin rằng Giê-xu đã chết và đã sống lại, y như thế *Đức* Chúa TRỜI sẽ đem những kẻ đã ngủ trong Giê-xu đến với Ngài. ¹⁵Vì điều này chúng tôi nói cùng anh em bởi lời của Chúa, rằng chúng ta là những kẻ sống, còn ở lại cho đến khi Chúa đến, sẽ không đi trước những người đã ngủ thiếp. ¹⁶Vì chính Chúa sẽ xuống từ trời với tiếng kêu lớn, với tiếng của thiên-sứ trưởng, và với tiếng kèn trom-bét của *Đức* Chúa TRỜI; và các người chết trong Cơ-rít-tô sẽ sống lại trước nhưt. ¹⁷Đoạn, chúng ta là những người sống, là những người còn ở lại, sẽ được chộp lên cùng với họ trong các đám mây để gặp Chúa trong không-trung, và như vậy chúng ta sẽ luôn luôn ở với Chúa. ¹⁸Bởi vậy hãy an-ủi nhau với các lời này.

Ngày của Chúa; hãy tỉnh-thức (5.1-5.11)

5 ¹Bây giờ về các thời-kỳ và các kỷ-nguyên, hỡi anh em, anh em không cần bất cứ điều gì được viết ra cho anh em. ²Vì chính anh em biết rất rõ rằng ngày của Chúa sẽ đến y như kẻ trộm trong ban đêm. ³Trong khi họ đang nói: "Hòa-bình và an-toàn!" thì sự phá-hủy sẽ đến trên họ thình-lình như con đau-đẻ *đến* trên người đàn-bà có thai; và họ sẽ không thoát khỏi. ⁴Nhưng anh em, hỡi anh em, chẳng ở trong sự tối-tăm, để ngày đó xảy đến cho anh em giống như kẻ trộm; ⁵vì tất cả anh em đều là con trai của sự sáng và con trai của ban ngày. Chúng ta không thuộc về ban đêm cũng không thuộc về sự tối-tăm; ⁶vậy thì chúng ta chớ ngủ như những kẻ còn lại ngủ, nhưng chúng ta hãy cảnh-giác và hãy tỉnh-táo. ⁷Vì những kẻ ngủ, ngủ vào ban đêm, và những kẻ say, say vào ban đêm. ⁸Nhưng vì chúng ta thuộc về *ban* ngày, chúng ta hãy tỉnh-táo, đã mặc vào áo-giáp che ngực của đức-tin và tình thương, và như mũ sắt, hy-vọng của sự cứu-rỗi. ⁹Vì *Đức* Chúa TRỜI đã chẳng định trước cho chúng ta con thịnh-nộ, nhưng cho được sự cứu-rỗi qua Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô của chúng ta, ¹⁰là Đấng đã chết vì chúng ta, để chúng ta hoặc thức hoặc ngủ, chúng ta sẽ cùng nhau sống với Ngài. ¹¹Bởi vậy hãy khuyên-khích lẫn nhau, và hãy gây dựng cho nhau, y như anh em cũng đang làm.

1Tê-sa-lô-ni-ca 5.12-5.28

Lời dạy cuối cùng của Phao-lô (5.12-5.28)

12Nhưng chúng tôi yêu-cầu anh em, hỡi anh em, rằng anh em nên biết⁽¹⁾ những kẻ cần-cù làm việc khó-nhọc giữa anh em và có nhiệm-vụ trên anh em trong Chúa và cho anh em sự chỉ dạy, **13**và rằng anh em nên hết sức kính-mến họ trong tình thương vì việc làm của họ. Hãy sống trong sự hòa-thuận với nhau. **14**Và chúng tôi thúc-giục anh em, hỡi anh em, hãy khuyên-bảo những kẻ ngỗ-ngược, hãy khích-lệ những kẻ có tâm nhút-nhát, hãy giúp những kẻ yếu-đuối, hãy kiên-nhẫn với mọi người. **15**Hãy lưu ý rằng không người nào lấy ác trả ác, nhưng luôn luôn tìm kiếm cái tốt cho nhau và cho mọi người. **16**Hãy vui mừng luôn luôn, **17**hãy cầu-nguyện không ngừng; **18**trong mọi sự hãy tạ ơn; vì đây là ý-muôn của Đức Chúa TRỜI cho anh em trong Cơ-rít-tô Giê-xu. **19**Đừng dập tắt Linh⁽²⁾; **20**chớ khinh-dễ các lời phát-biểu tiên-tri. **21**Nhưng hãy *cẩn-thận* xem-xét mọi việc; hãy nắm chặt điều tốt; **22**hãy tránh mọi hình dạng của điều ác.

23Bây giờ xin chính Đức Chúa TRỜI bình-an thánh hóa anh em hoàn-toàn; và xin linh và hồn và thân-thể của anh em được giữ-gìn trọn- vẹn, không trách được lúc Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô của chúng ta đến. **24**Thành-tín thay Đấng gọi anh em, và Ngài cũng sẽ làm xong việc đó.

25Hỡi anh em, hãy cầu-nguyện cho chúng tôi. **26**Hãy chào-thăm tất cả anh em với cái hôn thánh. **27**Tôi nài-xin anh em bởi Chúa cho bức thư này được đọc cho tất cả anh em. **28**Xin ân-điển của Chúa Giê-xu Cơ-rít-tô của chúng ta ở với anh em⁽³⁾.

1 Thessalonians 5.12-5.28

Paul's final instructions (5.12-5.28)

12But we request of you, brethren, that you know those who diligently labor among you, and have charge over you in the Lord and give you instruction, **13**and that you esteem them very highly in love because of their work. Live in peace with one another. **14**And we urge you, brethren, admonish the unruly, encourage the fainthearted, help the weak, be patient with all men. **15**See that no one repays another with evil for evil, but always seek after that which is good for one another and for all men. **16**Rejoice always; **17**pray without ceasing; **18**in everything give thanks; for this is the will of God for you in Christ Jesus. **19**Do not quench the Spirit; **20**do not despise prophetic utterances. **21**But examine everything *carefully*; hold fast to that which is good; **22**abstain from every form of evil.

23Now may the God of peace Himself sanctify you entirely; and may your spirit and soul and body be preserved complete, without blame at the coming of our Lord Jesus Christ. **24**Faithful is He who calls you, and He also will bring it to pass.

25Brethren, pray for us.

26Greet all the brethren with a holy kiss. **27**I adjure you by the Lord to have this letter read to all the brethren.

28The grace of our Lord Jesus Christ be with you.

¹hay: kính-trọng, hay cảm ơn

²Linh được coi như lửa

³Những thăm quyền cổ xưa thêm: A-men